

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Bường; bà Đoàn Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình  
tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến  
Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày  
25/10/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra  
xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định  
hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Quỳnh T, sinh năm 1983

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh  
Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì  
nguyên đơn là chị Vũ Thị Quỳnh T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày  
11/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân mấy năm nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/7/2013, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị và anh D. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000đ/tháng/con. Hiện tại chị là cán bộ tại UBND xã Đ, ngoài lương thì chị còn làm thêm ngoài giờ làm việc nên thu nhập bình quân khoảng 6.500.000 đồng đến 7.000.000đồng/tháng, chị và các con đang ở nhà của vợ chồng, các con đang học tập và sinh sống ổn định, mặt khác các con đều là con gái nên rất cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị để các con phát triển bình thường về tâm sinh lý, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Anh D là lao động tự do, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng.

Chị và anh D tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

\*) Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D không trình bày lời khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh trình bày: Anh đồng ý ly hôn, đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhưng không ký vào biên bản.

\*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh D cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Vũ Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K theo quy định pháp luật, có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện K. Quá trình chung sống, chị T và anh D đã xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Tuy nhiên, địa phương được biết vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Việc chị T và anh D đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh D có 02 con chung như chị T đã trình bày là đúng, hiện nay cả hai con đang ở cùng anh chị. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, nguyện vọng của các cháu và phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Địa phương thấy chị T có việc làm và thu nhập ổn định, anh D là lao động tự do nên chị T có điều kiện nuôi con tốt hơn anh D.

Về tài sản chung của chị T và anh D địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

\*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- + Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Quỳnh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

- + Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/7/2013; anh Nguyễn Tiến D phải cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con (2.400.000đ/tháng cho cả hai con). Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- + Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh D phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Tiến D không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Vũ Thị Quỳnh Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Tiến D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T và anh D đã ly thân mấy năm nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Vũ Thị Quỳnh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/7/2013, cả hai con đang ở cùng anh chị. Ly hôn, chị Tg đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Dg cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con (2.400.000đ/tháng cho cả hai con). Hội đồng xét xử thấy: Chị T có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, cả hai con của chị T và anh D đều là con gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị T, các con cũng có nguyện vọng được ở cùng chị T khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ vì anh D có việc làm và thu nhập, anh D đồng ý cấp dưỡng cho con như chị T yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000đ/tháng/con (2.400.000đ/tháng cho cả hai con) là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

[5.1] Chị Vũ Thị Quỳnh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5.2] Anh Nguyễn Tiến D phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Quỳnh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/7/2013. Anh Nguyễn Tiến D phải cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000đ/tháng/con (hai con là 2.400.000đ/tháng) kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị T và anh D có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

4.1. Chị Vũ Thị Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001484 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

4.2. Anh Nguyễn Tiến D phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**